

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS-ST

Ngày 04-02-2021

“T/c hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Bùi Mạnh Quyết.
2- Ông Nguyễn Hồng Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hường là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Ông Nguyễn Thường Ân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S. Địa chỉ: Phường 8, Quận 3, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến Đ - Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần S, theo văn bản ủy quyền ngày 04-12-2020. (*có mặt*)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng K, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số 678/A4 ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh L. (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Ngân hàng thương mại cổ phần S và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Tiến Đ trình bày: Vào ngày 19-6-2014, bà Nguyễn Thị Hồng K có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng cho bà K, mục đích

là tiêu dùng cá nhân. Từ ngày kích hoạt thẻ sử dụng đến nay bà K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 234.114.500 đồng. Do bà K vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã thông báo nhắc nhở nhiều lần nhưng bà K không trả nợ nên ngày 06-3-2017, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng. Tính đến ngày 20-02-2020 bà K còn nợ tiền gốc là 11.651.442 đồng, lãi quá hạn là 13.552.050 đồng, do đó Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà K trả toàn bộ số tiền còn nợ bao gồm luôn tiền lãi phát sinh theo hợp đồng. Kèm theo đơn khởi kiện người khởi kiện đã nộp các tài liệu, chứng cứ sau: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng; Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín; Thông báo thay đổi lãi suất; Văn bản yêu cầu thanh toán của Ngân hàng; Bản phô tô Chứng minh nhân dân và Hộ khẩu.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng yêu cầu bà K trả tiền gốc là 11.651.442 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 04-02-2021 là 17.935.800 đồng và bà K phải trả lãi của khoản nợ gốc theo mức lãi nợ quá hạn đến khi bà K trả xong nợ.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng K đã được Tòa án đã thông báo cho biết về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S nhưng bà K không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án, không tham gia tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng thực hiện theo đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự phiên tòa sơ thẩm. Về quan điểm giải quyết tranh chấp, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong vụ án như Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng; Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng xác định vào ngày 19-6-2014, bà K có vay Ngân hàng thương mại cổ phần S theo hình thức hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng, lãi suất là 2,15%/tháng tính theo dư nợ phát sinh, mục đích là tiêu dùng cá nhân, thời hạn sử dụng thẻ là 3 năm. Do bà K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà K trả toàn bộ số tiền còn nợ bao gồm luôn tiền lãi phát sinh theo hợp đồng là có cơ sở. Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật tổ chức tín dụng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với bà Nguyễn Thị Hồng K là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng không có mặt tại

phiên tòa, do đó căn cứ theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: Theo lời trình bày và tài liệu do Ngân hàng cung cấp thể hiện ngày 19-6-2014, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà K có hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, lãi suất tín dụng là 2,15%/tháng theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04-7-2011 của Ngân hàng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, thời hạn sử dụng thẻ là 3 năm. Từ ngày kích hoạt thẻ sử dụng đến ngày 04-02-2017 bà K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 234.114.500 đồng. Từ ngày 05-02-2017 đến nay bà K ngưng giao dịch và không thanh toán tiền, Ngân hàng đã thông báo nhắc nhở nhiều lần nhưng bà K không trả nợ. Như vậy bà K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo mục 18 và 19 của Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng và ngày 06-3-2017, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là đúng theo nội dung mục 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà K trả toàn bộ số tiền còn nợ bao gồm luôn tiền lãi phát sinh theo hợp đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng nên chấp nhận.

[3] Về lãi suất tín dụng: Ngân hàng công khai mức lãi suất, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh đúng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng. Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và nội dung Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng thì lãi suất do Ngân hàng đưa ra được bên đề nghị cấp thẻ chấp thuận nên được coi là thỏa thuận giữa hai bên. Việc Ngân hàng áp dụng lãi suất cấp thẻ tín dụng cho bà K là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật tổ chức tín dụng, do đó bà K phải thanh toán lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 04-02-2021 là 17.935.800 đồng. Như vậy bà K phải trả cho Ngân hàng cả nợ gốc và nợ lãi tổng cộng là 29.587.242 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà K phải chịu toàn bộ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Áp dụng Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bà Nguyễn Thị Hồng K về hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng K phải trả Ngân hàng thương mại cổ phần S tiền nợ tính đến ngày 04-02-2021 là 29.587.242 (Hai mươi chín triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn hai trăm bốn mươi hai) đồng, trong đó nợ gốc là 11.651.442 đồng, nợ lãi là 17.935.800 đồng.

Số tiền nợ gốc là 11.651.442 đồng bà Nguyễn Thị Hồng K phải trả lãi tiếp từ ngày 05-02-2021 đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất nợ quá hạn (bằng 150% lãi suất tính dụng mà các bên đã ký kết).

Bà Nguyễn Thị Hồng K được trả nợ tại Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh Thủ Thừa, Long An.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng K phải chịu 1.479.000 (Một triệu bốn trăm bảy mươi chín ngàn) đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần S không chịu án phí. Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần S tiền tạm ứng án phí đã nộp là 630.100 (Sáu trăm ba mươi ngàn một trăm) đồng, theo biên lai thu số 0016556 ngày 24-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H.

4. Án này xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 04-02-2021, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Tiến